| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN SÔNG MÃ**<br>TỈNH SƠN LA | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 12 - 2023
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN **LA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nhung.

*Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Văn Cường.

2. Ông Lò Văn Viễn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Điệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa***: Ông Trần Thanh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 07/2023/TLST – HNGĐ, ngày 09/10/2023 về việc: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXX - HNGĐ ngày 02/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST - HNGĐ ngày 22/11/2023, giữa các đương sự:

***1.*** *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành B, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Bản Q, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

***2.*** *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Bản Q, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

***3.*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: ông Nguyễn Ước L- bà Ngô Thị C. Nơi cư trú: Bản Q, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18/8/2023 và các tài liệu thể hiện lời khai nguyên đơn anh Nguyễn Thành B trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2006 tại Uỷ Bn nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; Sau khi kết hôn thì cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc, bản thân anh luôn làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha trong gia đình để hỗ trợ cho vợ hoàn thành

nhiệm vụ công tác. Tuy nhiên, đến năm 2010 khi anh bắt đầu phải đi làm công trình thường xuyên đi xa nhà thì cuộc sống chung bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do chị H thường xuyên nghi ngờ, ghen tuông không có căn cứ, dẫn đến cuộc sống vợ chồng khiến anh cảm thấy có áp lực, đến đầu năm 2023 thì anh có phạm sai lầm là trăng hoa bên ngoài, tuy nhiên sau khi sự việc xảy ra anh đã nhận thấy cái lỗi sai của mình và đã ăn năn, xin lỗi vợ cùng bố mẹ vợ nhưng bản thân lại không nhận được sự tha thứ thật sự của chị H, chị H thường đem chuyện phạm lỗi của anh ra để đay nghiến, chì triết và để cho các con chung của anh chị biết được sự việc này, khiến cho cuộc sống gia đình rất căng thẳng, nặng nề; anh nhận thấy bản thân mình không thể đem lại cuộc sống hạnh phúc cho chị H và mất hình ảnh tốt về người cha đối với các con nên anh cương quyết xin được ly hôn với chị H để giải thoát cho nhau, không để không khí gia đình nặng nề mà làm ảnh hưởng đến cả tinh thần của các con.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc V - sinh ngày 25/9/2008 và Nguyễn Phúc X - sinh ngày 10/10/2012. Nếu anh chị ly hôn các con muốn sống với ai thì anh nhất trí để tùy các con tự quyết định, nếu các con muốn sống với mẹ thì anh sẽ cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên hòa giải ngày 02/11/2023 anh chị đã thỏa thuận được là để chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung, anh sẽ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000đ/ tháng cho đến khi người con đó đủ 18 tuổi và đề nghị Tòa công nhận sự thỏa thuận này.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không kê khai, không yêu cầu Tòa giải quyết.

***** Tại các bản tự khai, ý kiến tại phiên hòa giải ngày 02/11/2023 và tại phiên tòa bị đơn chị H trình bày: Việc chị và anh B kết hôn, chung sống là đúng như anh B đã trình bày, tuy nhiên anh B xin ly hôn chị không nhất trí vì chị cho rằng bản thân chị không phải là người có lỗi, chị cũng là vì các con, không muốn để cho các con có cuộc sống thiếu bố hoặc mẹ, bên cạnh đó về phần chia tài sản chung mặc dù giữa chị và anh B đã tự thỏa thuận không đề nghị Tòa giải quyết nhưng anh B lại chưa thực hiện theo sự thỏa thuận này, vì các lý do trên chị không nhất trí ly hôn.

Quá trình chung sống chị và anh B có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc V - sinh ngày 25/9/2008 và Nguyễn Phúc X - sinh ngày 10/10/2012. Tại phiên hòa giải ngày 02/11/2023 chị và anh B đã thỏa thuận được là để chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung, anh B sẽ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000đ/ tháng cho đến khi người con đó đủ 18 tuổi và đề nghị Tòa công nhận sự thỏa thuận này.

Về nợ chung: Chị và anh B không có nợ chung; Còn về tài sản chung thì chị đề nghị bố mẹ chồng chị là ông Nguyễn Ước L- bà Ngô Thị C sang tên một diện tích đất tại bản Q, xã N, huyện M đã được cấp quyền sử dụng đất cho ông

bà sang cho con trai của chị và anh B là cháu Nguyễn Phúc X khi cháu X đủ 18 tuổi, ngoài ra các với các tài sản chung khác chị không có yêu cầu gì.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Ước L- bà Ngô Thị C về phần tài sản mang tên ông bà mà chị H có yêu cầu, ông L- bà C cho ý kiến như sau: Ông bà xác định diện tích đất này là tài sản của ông bà không phải của anh B và chị H, diện tích đất đã được cấp quyền sử dụng đất cho ông bà, ông bà chỉ cho anh B - chị H mượn sử dụng, tài sản trên đất là một ngôi nhà xây được xây dựng 02 năm nay, số tiền để xây nhà do ông bà bỏ ra, quá trình xây dựng anh B có giúp đỡ ông bà việc trông coi quá trình xây dựng nhưng tiền là của ông bà bỏ ra. Nay chị H có yêu cầu ông bà sang tên phần tài sản này cho con trai của chị H - anh B là cháu Nguyễn Phúc X ông bà không nhất trí.

Ông Nguyễn Ước L- bà Ngô Thị C có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 14/11/2023 tại giai đoạn giải quyết sơ thẩm.

***** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quá trình kiểm sát việc thụ lý giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Thành B, xử cho anh B được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: nhất trí sự đề nghị của các đương sự yêu cầu Tòa công nhận sự thỏa thuận là giao con chung là Nguyễn Thị Ngọc V - sinh ngày 25/9/2008 và Nguyễn Phúc X - sinh ngày 10/10/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quá trình giải quyết vụ án anh B, chị H đều thừa nhận không có nợ chung và không đề nghị giải quyết về tài sản chung do vậy không xem xét đặt vấn đề giải quyết.

Đối với yêu cầu của chị H đề nghị ông Nguyễn Ước L- bà Ngô Thị C sang tên một diện tích đất và tài sản trên đất tại bản Q, xã N, huyện M sang cho Nguyễn Phúc Thiện: xác định được đây là tài sản chung của ông Nguyễn Ước L- bà Ngô Thị C, ông L- bà C không nhất trí với yêu cầu của chị H do vậy, yêu cầu của chị H là không có căn cứ chấp nhận.

Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã và bị đơn có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng: Vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Thành B được Tòa án thụ lý và giải quyết là theo đúng quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành B và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ Bn nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sơn La vào ngày 20/12/2006 là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình 2000 xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị H đã kéo dài, việc chị H không nhất trí ly hôn với anh B chỉ vì lý do để cho các con có cuộc sống đầy đủ cả bố và mẹ, chị không phải là người có lỗi trong việc xảy ra chuyện ngoại tình, giữa anh chị không tự thỏa thuận được về việc chia tài sản chung (phải chia tài sản chung xong mới ly hôn) là không đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, tự do về quyền định đoạt tài sản của cá nhân và mục đích của hôn nhân là: xây dựng một gia đình thịnh vượng, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững, các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ yêu thương và tôn trọng nhau; việc anh B có lỗi trong cuộc hôn nhân đã khiến chị H mất đi sự tin tưởng, tôn trọng với anh B, từ đó đẩy cuộc sống hôn nhân đi vào sự bế tắc, gây ra áp lực, căng thẳng cho cuộc sống chung, bản thân chị H cũng bị ảnh hưởng đến tâm lý, tạo ra những áp lực không đáng có cho chính mình; điều này làm ảnh hưởng đến tình cảm của các thành viên trong gia đình, ảnh hưởng đến nhận thức của trẻ em khi sống trong một gia đình có mâu thuẫn, thiếu đi sự tin tưởng, tôn trọng nhau. Bên cạnh đó, anh chị đã sống ly thân một thời gian, bản thân anh B cương quyết xin ly hôn. Cho thấy cuộc sống chung không còn, mâu thuẫn trong hôn nhân đã trầm trọng, về mặt tình cảm vợ chồng không thể cứu vãn, hàn gắn được nữa. Do vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B, giải quyết cho anh B được ly hôn với chị H, để cho các thành viên trong gia đình được tạo lập cuộc sống mới trong một môi trường mới phù hợp với ý chí và đảm bảo cho trẻ em được lớn lên trong một môi trường lành mạnh về tinh thần, việc bố mẹ ly hôn không làm mất đi quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ với con. Việc quyết định cho anh B ly hôn chị H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: cả anh B và chị H đều thừa nhận có con chung là Nguyễn Thị Ngọc V - sinh ngày 25/9/2008 và Nguyễn Phúc X - sinh ngày 10/10/2012; Quá trình giải quyết vụ án các con chung có nguyện vọng được chung sống với mẹ là chị H. Tại phiên hòa giải ngày 02/11/2023 chị H và anh B đã thỏa thuận được là để chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung, anh B sẽ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000đ/ tháng cho đến khi

người con đó đủ 18 tuổi và đề nghị Tòa công nhận sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và phù hợp nguyện vọng của các con chung là được sống cùng với mẹ.

Do vậy, HĐXX chấp nhận và giao các con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu với mức 1.500.000đ/tháng, cho đến khi người con chung đó đủ 18 tuổi như anh chị đã tự thỏa thuận với nhau. Anh B có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung, không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Về tài sản chung: Tại bản tự khai chị H có kê khai và yêu cầu được chia một số tài sản chung, tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 02/11/2023 tại Tòa án chị H không đề nghị phần chia tài sản nữa mà chỉ yêu cầu ông Nguyễn Ước L- bà Ngô Thị C sang tên một diện tích đất và tài sản trên đất tại bản Q, xã N, huyện M sang cho cháu Nguyễn Phúc X là con chung của chị H và anh B khi cháu X đủ 18 tuổi, quá trình xác minh cho thấy tài sản mà chị H yêu cầu này là tài sản chung của ông Lvà bà C việc có thực hiện chia khối tài sản này hay không là quyền quyết định của ông L- bà C, chị H không chứng minh được đây là tài sản chung của chị và anh B, ông L- bà C không nhất trí chia khối tài sản này cho cháu Nguyễn Phúc X theo yêu cầu của chị H. Do vậy, yêu cầu này của chị H không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, các tài sản chung của anh B - chị H sẽ không giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được Tòa án giải quyết tại vụ án khác.

Về nợ chung: Anh B, chị H đều khai nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Do vậy, Tòa không đề cập giải quyết về nợ chung tại bản án này.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Thành B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định chung.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; 58; Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Thành B đối với chị Nguyễn Thị H.

- Xử cho anh Nguyễn Thành B được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

- Công nhận sự thỏa thuận của anh B - chị H về con chung như sau: Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc V - sinh ngày 25/9/2008 và Nguyễn Phúc X - sinh ngày 10/10/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Thành B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H với mức cụ thể như sau: Cấp dưỡng nuôi Nguyễn Thị Ngọc V với mức 1.500.000VNĐ/tháng cho đến khi Nguyễn Thị Ngọc V đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, cấp dưỡng nuôi Nguyễn Phúc X với mức 1.500.000VNĐ/tháng cho đến khi Nguyễn Phúc X đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12/2023, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Anh Nguyễn Thành B có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được ngăn cản.

**2.** Về án phí: Anh Nguyễn Thành B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000703 ngày 06/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Anh Nguyễn Thành B còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 150.000đ.

**3.** Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thành B, chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/12/2023); Ông Nguyễn Ước Lvà bà Ngô Thị C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

*Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Thành viên Hội đồng xét xử** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Cường** **Lò Văn Viễn**

| Thành viên Hội đồng xét xử | Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa |
|---|---|
| | |

**Nơi nhận**:
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện M, tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Nhung**